

Số: 3251/TB-BVTP

Quảng Ninh, ngày 11 tháng 09 năm 2026

THÔNG BÁO

Về việc mời cung cấp báo giá dịch vụ vệ sinh bệnh viện năm 2027

Kính gửi: Các tổ chức/cá nhân kinh doanh

- Căn cứ Luật đấu thầu số 22/2023/QH 15 ngày 23/06/2023 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam;
- Căn cứ Nghị định 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;
- Căn cứ Nghị quyết số 906/NQ-BVT ngày 27/6/2022 của Sở Y tế về việc ban hành Quy trình mua sắm tài sản, hàng hóa và sửa chữa cơ sở vật chất tại các đơn vị trực thuộc Sở Y tế;
- Căn cứ Quyết định số 636/QĐ-BVT ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh về việc phê duyệt quy trình tổ chức lựa chọn nhà thầu áp dụng tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh;
- Căn cứ Quyết định số 2945/QĐ-BVTP ngày 07 tháng 09 năm 2026 của Bệnh viện Đa khoa thành phố Quảng Ninh về việc thành lập Hội đồng xây dựng kế hoạch và dự toán Cung cấp dịch vụ vệ sinh bệnh viện năm 2027;
- Căn cứ nhu cầu sử dụng của các khoa phòng và đề xuất của phòng Điều dưỡng về danh mục, tiêu chí kỹ thuật, số lượng mua sắm túi nilon đựng rác thải năm 2027 - 2028 theo quy định hiện hành;
- Căn cứ biên bản họp ngày 08/09/2026 của Bệnh viện Đa khoa thành phố Quảng Ninh về việc thống nhất danh mục, số lượng, yêu cầu kỹ thuật Cung cấp dịch vụ vệ sinh bệnh viện năm 2027.

Để có cơ sở xây dựng kế hoạch Cung cấp dịch vụ vệ sinh bệnh viện năm 2027, Bệnh viện Đa khoa thành phố Quảng Ninh (Địa chỉ: Phố Tuệ Tĩnh, phường Hồng Gai, thành phố Quảng Ninh) trân trọng kính mời các nhà cung cấp có đủ năng lực, kinh nghiệm và quan tâm tham gia báo giá các dịch vụ với các nội dung chi tiết như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Đa khoa thành phố Quảng Ninh (Địa chỉ: Phố Tuệ Tĩnh, phường Hồng Gai, thành phố Quảng Ninh).

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

Bà Phạm Thị Thủy - Phó phòng Điều dưỡng, Bệnh viện Đa khoa thành phố Quảng Ninh. SĐT: 0965555196;

Hoặc Bà Vũ Thị Thủy - Nhân viên phòng Điều dưỡng Bệnh viện Đa khoa thành phố Quảng Ninh. SĐT: 0906989558;

Email: dieuduongbvtqn@gmail.com

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- 01 bộ hồ sơ bản cứng gửi về theo địa chỉ: Phòng Điều dưỡng - Bệnh viện Đa khoa thành phố Quảng Ninh (Địa chỉ: Phố Tuệ Tĩnh, phường Hồng Gai, thành phố Quảng Ninh).

- 01 bộ hồ sơ bản mềm gửi qua email: dieuduongbvtqn@gmail.com

- Thời hạn tiếp nhận báo giá: Trước 16h00 ngày 25/09/2026

Lưu ý: Các báo giá nhận được sau thời điểm trên sẽ không được xem xét.

4. Thời hạn của hiệu lực báo giá: không nhỏ hơn 90 ngày

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục dịch vụ (*Phụ lục 1,2,3 đính kèm Thông báo này*).

2. Bảng cung cấp thông tin dịch vụ và chào giá (*Phụ lục 4 đính kèm Thông báo này*).

3. Địa điểm cung cấp: Bệnh viện Đa khoa thành phố Quảng Ninh.

4. Thời gian giao hàng dự kiến: Tháng 03/2027.

5. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:

6. Các thông tin khác (nếu có):

Do nhu cầu cấp thiết về Dịch vụ vệ sinh phục vụ công tác khám bệnh, chữa bệnh của Bệnh viện, kính đề nghị các nhà cung cấp nhanh chóng cung cấp thông tin để bên Bệnh viện tiến hành các thủ tục tiếp theo.

Bệnh viện Đa khoa thành phố Quảng Ninh trân trọng thông báo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng TT&HCQT (đăng tải lên CTTĐT);
- Lưu: VT, ĐP

[Chữ ký]



Nguyễn Bá Việt

PHỤ LỤC 1
KHỐI LƯỢNG - DIỆN TÍCH VỆ SINH
*(Kèm theo Thông báo số 3251/TB-BVTP ngày 11/09/2026 của Bệnh viện Đa khoa
thành phố Quảng Ninh)*

BIỂU KHỐI LƯỢNG XÂY DỰNG GÓI THẦU VỆ SINH NĂM 2027							
STT	Danh mục dịch vụ	Đơn vị	Khối lượng				Ghi chú
			Khu vực 1	Khu vực 2	Khu vực 3	Khu vực 4	
1	Vệ sinh nhà A	m2	5699	3865	5003	10,000	
2	Khoa Khám bệnh	m2	656	331	1358		
3	Khoa KNSK, nhà trung tâm khí y tế	m2	456	450	2094		
4	Vệ sinh nhà B	m2	371	2372	2165		
5	Vệ sinh nhà C	m2	732	4647	6754		
6	Vệ sinh nhà D	m2	225	3513	2308		
7	Vệ sinh nhà E	m2	1526	1262	2619		
8	Vệ sinh nhà điều hành	m2	0	59	1104		
9	Thu gom, xử lý đồ vải	Người	6				
10	Tổng	m2	9,665	16,499	23,405		

*** KVI:**

1. Khu vực yêu cầu vô khuẩn cao

- Khoa Nhi: Phòng cấp cứu sơ sinh 5.2, Phòng ĐN sơ sinh ICU
- Khoa Sản: Phòng đẻ
- Khu vực khoa GMHS, hành lang nội bộ khu vực phòng mổ của khoa GMHS.
- Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn: phòng vô trùng, khu đóng gói, lưu giữ dụng cụ tiệt khuẩn
- Khoa Dược: Phòng chưng cất nước cất, pha chế cồn
- Khoa HHNN: Phòng nội soi
- Khoa Ung bướu: Phòng pha hoá chất, phòng bệnh nhân điều trị hoá trị
- Khoa Chấn thương: Phòng bỏng
- Khoa CDHA: Phòng can thiệp
- Khoa Vi sinh: Phòng sản xuất môi trường
- Khoa Huyết học: Phòng lưu trữ máu.
- Khoa HSTC: Phòng Ecmo, Phòng đột quỵ
- Khoa Mắt: Trung tâm phẫu thuật
- Phòng thủ thuật: các khoa, phòng khám khoa Khám bệnh,, khoa KCBTYC

2. Khu vực có nguy cơ ô nhiễm cao

- Khu vực có bề mặt bị phơi nhiễm với lượng lớn máu hoặc các dịch cơ thể khác: các phòng bệnh, , nhà vệ sinh tại các khu vực sau.
- + Khoa Hồi sức tích cực chống độc.
- + Khoa Cấp cứu

-
- + Khoa Bệnh nhiệt đới.
 - + Phòng cách ly của các khoa lâm sàng.
 - + Khu vực lọc máu khoa Thận lọc máu.
 - Khu tiếp nhận và xử lý đồ vải bẩn.
 - Khu vực xử lý dụng cụ của các khoa.
 - Phòng cấp cứu các khoa lâm sàng
 - Khoa Vi sinh: các phòng nuôi cấy
 - Khoa TDCN: các phòng nội soi tiêu hoá
 - Khoa Huyết học, Hoá sinh: khu vực chạy máy bệnh phẩm.
 - Khoa Khám bệnh: Phòng lấy máu xét nghiệm
 - * **KV2: Khu vực có nguy cơ ô nhiễm trung bình**
 - Buồng bệnh các khoa lâm sàng.
 - Phòng khám không có thủ thuật tại khoa Khám bệnh, khoa KCBTYC, thăm dò chức năng (điện tim, đo chức năng hô hấp), chẩn đoán hình ảnh.
 - Hành lang, sảnh chờ các khoa lâm sàng, cận lâm sàng
 - Thang máy, thang bộ.
 - Nhà vệ sinh các phòng bệnh không thuộc nhóm nguy cơ lây nhiễm cao.
 - * **KV3: Khu vực có nguy cơ ô nhiễm thấp**
 - Bề mặt và/hoặc thiết bị không phơi nhiễm với máu/dịch cơ thể:
 - Khu vực nhà điều hành, phòng làm việc ở các vị trí khác.
 - Phòng hành chính, giao ban, phòng trực.
 - Hội trường.
 - Khu gấp đồ vải sạch.
 - Kho
 - Cầu nối giữa các các toà nhà.
 - * **KV4:** Toàn bộ khu vực ngoại cảnh thuộc khuôn viên bệnh viện (phía ngoài cổng số 1, cổng số 2, cổng xe nhân viên trong phạm vi 5m) đường dẫn, tiếp nối giữa các tòa nhà, mái hiên một số khu vực, sân vườn, vỉa hè...nhà thể thao.

*Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp diện tích thực hiện dịch vụ vệ sinh có thay đổi so với diện tích đã được xác định trong hợp đồng do dỡ bỏ, phá dỡ, cải tạo, xây dựng mới, thay đổi công năng hoặc các nguyên nhân khách quan khác, khối lượng dịch vụ vệ sinh và giá trị hợp đồng được điều chỉnh tăng hoặc giảm tương ứng với diện tích thực tế thay đổi. Diện tích thay đổi phải được kiểm tra, đo đạc và xác nhận bằng văn bản giữa Chủ đầu tư và Nhà thầu làm căn cứ điều chỉnh khối lượng và giá trị hợp đồng. Việc điều chỉnh giá trị hợp đồng được thực hiện theo đơn giá đã được xác định trong hợp đồng và chỉ áp dụng đối với phần diện tích thực tế phát sinh tăng hoặc giảm kể từ thời điểm được Chủ đầu tư xác nhận.

PHỤ LỤC 2
SỐ LƯỢNG VỊ TRÍ, KHU VỰC LÀM SẠCH, THỜI GIAN LÀM VIỆC, DỰ KIẾN
NHÂN LỰC TỐI THIỂU

(Kèm theo Thông báo số 3251/TB-BVTP ngày 11/09/2026 của Bệnh viện Đa khoa thành phố Quảng Ninh)

Bên B đảm bảo nhân lực tối thiểu là 81 người theo đề xuất trong E-HSDT (bao gồm cả 06 người ở vị trí thu gom và xử lý đồ vải). Bên B căn cứ vào vị trí, diện tích được bàn giao để bố trí số lượng người phù hợp (yêu cầu mỗi vị trí bố trí nhân lực tối thiểu 01 người trong suốt thời gian làm việc) để đảm bảo chất lượng dịch vụ vệ sinh với thời gian làm việc cụ thể từng vị trí theo bảng như sau: (đảm bảo liên tục cả ngày nghỉ, lễ tết theo đúng lịch làm việc bệnh viện đề ra).

Khi diện tích thực tế của khu vực vệ sinh tăng hoặc giảm so với diện tích làm cơ sở xác định nhân lực tại hợp đồng, số lượng nhân lực vệ sinh được điều chỉnh tương ứng theo định mức nhân lực/diện tích đã được xác định trong hồ sơ hợp đồng. Trường hợp diện tích giảm, nhà thầu có trách nhiệm giảm tương ứng số lượng nhân lực bố trí tại khu vực đó; trường hợp diện tích tăng, việc bổ sung nhân lực được xem xét, điều chỉnh tương ứng trên cơ sở nhu cầu thực tế và các nội dung đã thỏa thuận trong hợp đồng. Việc điều chỉnh phải được lập thành văn bản, có xác nhận của các bên và là căn cứ để điều chỉnh khối lượng, giá trị hợp đồng theo quy định.

STT	Khu vực		SỐ VỊ TRÍ THUỜNG TRỰC THEO CÁC CA						Tổng cộng
			Ca 1 06h00 - 14h00	Ca 2 14h00 - 22h00	Ca 3 22h00 - 06h00	Ca trực tối 16h30 - 22h00	Ca hành chính (06h00-11h00 13h30-16h30)	Ca trực trưa 11h - 13h30	
1	KHU KHÁM BỆNH	Tầng 1 khoa cấp cứu + Khám bệnh	1	1	1				
2		Tầng 2 khám bệnh (Các PK + 1 cầu thang bộ)					1	1	
3		Tầng 3 khu khám bệnh (Các PK + 2					1		

		thang bộ + thang máy)							
4	NHÀ ĐIỀU HÀNH	Tầng 1+2 + Tầng 3					1		
5	NHÀ HỆ NỘI	Tầng 1 (Tim mạch)	1	1			1		
6		Tầng 2 (ĐV Rối loạn nhịp + 3 thang bộ)	1						
7		Tầng 2 (PTCTTM + 3 thang máy)					1		
8		Tầng 3 (Nội tổng hợp)	1				1		
9		Tầng 4 (U bước)	1				1		
10		Tầng 5 Hệ nội (Hô hấp + Thận lọc máu)	1				1		
11		G1 + G2 + Sảnh (Sảnh + 1 tầng NV + tầng hầm)					1	1	
12		Trực toàn bộ nhà hệ nội (Thường trực tại Tim mạch)			1	1			
13	NHÀ HỆ NGOÀI	Khoa chấn thương	1	1			1		
14		Khoa Dược + sảnh tầng 1					1		

15		Sảnh tầng 2 + 3 thang bộ + 4 thang máy					1	1	
16		Khoa Ngoại	1	1			1		
17		Phòng mổ + mổ tim	1	1	1		2		
18		Khoa Hồi sức cấp cứu	1	1	1		1		
19		Thận nhân tạo	1	1					
20		T4 khoa Phẫu thuật thần kinh	1			1	1		
21		T3 khoa Phụ sản	1	1					
22		T3 Lão khoa					1		
23		Khoa Nhi	1				1		
24		Khoa TMH					1	1	
25		Khoa RHM					1		
26		Trực toàn bộ nhà hộ Ngoại (Thường trực tại Phụ Sản)			1				
27	KSNK	KSNK					1		
28		Thu gom và xử lý đồ vải					6		
29	NGOẠI CẢNH						2		
30	ĐỊNH KỲ (Vị trí làm sạch bề	Nhà A					1		

	mặt có chiều cao trên 2m trong các phòng)	Nhà C					1		
		Các toà còn lại					1		
31	NHÀ E	Tầng 1, 2, 3					1	1	
32		Tầng 4, ngoại cảnh					1		
33		Tầng 5 Khoa Da liễu					1		
34		Tầng 6,7 Mắt					1		
35		Tầng 8,9 Khoa BND					1		
36		Trục cả tòa nhà (Thường thực tại khoa BND)			1	1			
37	KHU NHÀ D	Tầng 1: Khoa khám bệnh theo yêu cầu	1						
38		Tầng 2 Phòng bệnh khoa KCB theo yêu cầu					1		
39		Tầng 3 Phòng bệnh khoa KCB theo yêu cầu					1		
40		Tầng 4, 5 Khoa phục hồi chức					1		

		năng							
41		Tầng 6 Khoa nội B ngoại kiều + PK QLSKCB	1						
42		Tầng 7 Khoa nội B ngoại kiều + tầng 10					1		
43		Tầng 8,9 Khoa Y học cổ truyền					1	1	
44	KHU XÉT NGHIỆM	Tầng 1 XN, CĐHA, khu khám tim mạch (1 thang bộ + 1 thang máy)					1		
45		Tầng 2 CĐHA					1	1	
46		Tầng 3 +4 XN, CĐHA					1	1	
47		Trực khu XN (Thường trực tại CĐHA)			1	1			
48		Tổng cộng vị trí thường trực	16	8	7	4	46	8	81
49		Tổng số công/ngày (8 tiếng)	16	8	7	3	46	3	83

Ghi chú:

- Cách tính số công làm việc:
 - + Đối với ca hành chính (6h - 11h và 13h30 - 16h30): 8 tiếng = 1 công
 - + Ca 1 (06h00 - 14h00): 08 tiếng = 1 công
 - + Ca 2 (14h00 - 22h00): 08 tiếng = 1 công
 - + Ca 3 (22h00 - 06h00): 08 tiếng = 1 công
 - + Ca trực trưa: 11h00 - 13h30 = 2,5 tiếng = 0,32 công
 - + Ca trực tối: 16h30 - 22h00 = 5,5 tiếng = 0,69 công
- Trong thời gian thực hiện hợp đồng, việc bố trí nhân sự có thể thay đổi giữa các vị trí tùy theo sắp xếp của bệnh viện.

PHỤ LỤC 3:
NỘI DUNG CÔNG VIỆC, DANH MỤC TRANG THIẾT BỊ, HOÁ CHẤT
(Kèm theo Thông báo số 3251/TB-BVTP ngày 11/09/2026 của Bệnh viện Đa khoa thành phố Quảng Ninh)

1. Nội dung công việc

STT	Nội dung công việc	Ngày	Tuần	Tháng	Tần suất tối thiểu	Yêu cầu kỹ thuật
	KHU VỰC 1:					
1	Nhà vệ sinh					
1.1	Làm sạch bồn cầu, sàn, lỗ thoát nước sàn nhà	x			3 lần	Bồn sạch, không vết, không mùi hôi, không có rác bám, không bị tắc
1.2	Làm sạch bồn cầu, sàn, lỗ thoát nước sàn nhà <i>(Nhà vệ sinh công cộng khu vực đa khoa, KCBTYT, xét nghiệm, CDHA)</i>	x			6 lần	Bồn sạch, không vết, không mùi hôi, không có rác bám, không bị tắc
1.3	Làm sạch các thiết bị như: gương, bồn rửa tay, vách ngăn, vòi hoa sen, tường, bê, chậu, hộp đựng xà phòng, giá để giấy, khay đựng xà phòng, giá để đồ cho người bệnh, tay nắm cửa, cửa ra vào	x			2 lần	Sạch bụi, không vết, báo cáo với đơn vị quản lý để xử lý kịp thời khi có sự cố.
1.4	Thu gom, thay túi và vận chuyển chất thải tới nơi quy định hoặc khi đầy không quá 2/3 túi	x			3 lần	Buộc kín túi hoặc đậy kín nắp thùng đựng chất thải
1.5	Làm sạch thùng rác (thùng đựng chất thải lây nhiễm, vệ sinh bằng hoá chất khử khuẩn)	x			1 lần	Thùng chất thải sạch sẽ, không mùi hôi
1.6	Thường xuyên kiểm tra xử lý ngay khi phát sinh, đảm bảo nhà vệ sinh luôn sạch, không có mùi khó chịu	x			3 lần	Đảm bảo luôn sạch sẽ
1.7	Làm sạch trần, đèn chiếu sáng, quạt hút gió, cửa thông khí, dây xả nước thải điều hoà			x	1 lần	Đảm bảo không bụi, không màng nhện, báo kịp thời khi có sự

STT	Nội dung công việc	Ngày	Tuần	Tháng	Tần suất tối thiểu	Yêu cầu kỹ thuật
						cố.
2	Khu vực phòng bệnh					
2.1	Làm sạch sàn	x			2 lần	Làm sạch ngay khi phát sinh vết bẩn, bệnh nhân nôn, trớ.
2.2	Làm sạch hệ thống cửa ra vào, công tắc điện/quạt, chuông gọi	x			2 lần	Không có bụi bẩn và vết ố
2.3	Làm sạch sàn khu hành lang	x			2 lần	Sạch sẽ, khô ráo, không có vết bẩn
2.4	Làm sạch giường, tủ đầu giường, tủ tường bằng dung dịch khử khuẩn	x			2 lần và khi NB ra viện, chuyển khoa	Đảm bảo luôn sạch sẽ, không có bụi bẩn, chất thải
2.5	Làm sạch cánh, xe đẩy, giường đẩy, bàn ghế làm việc, tủ tài liệu, giá kệ, bề mặt tủ chứa đồ, bề mặt tủ thuốc bằng dung dịch khử khuẩn.	x			1 lần	Sạch bụi, không vết bẩn bám
2.6	Làm sạch bồn rửa tay, gương (nếu có)	x			2 lần	Không có bụi bẩn và vết ố
2.7	Làm sạch bồn rửa tay phẫu thuật bằng dung dịch khử khuẩn	x			2 lần	Bồn sạch sẽ, không đọng nước
2.8	Làm sạch khu vực rửa dụng cụ bằng hoá chất chuyên dụng và dung dịch khử khuẩn	x			1 lần	Bồn sạch sẽ, không đọng nước
2.9	Thu gom, thay túi và vận chuyển chất thải tới nơi quy định hoặc khi đầy không quá 2/3 túi	x			3 lần	Buộc kín túi hoặc đậy kín nắp thùng đựng chất thải
2.10	Làm sạch thùng rác (thùng đựng chất thải lây nhiễm, vệ sinh bằng hoá chất khử khuẩn)	x			1 lần	Thùng chất thải sạch sẽ, không mùi hôi
2.11	Thường xuyên kiểm tra làm sạch ngay khi thấy bẩn, có rác	x			3 lần	Đảm bảo luôn sạch sẽ

STT	Nội dung công việc	Ngày	Tuần	Tháng	Tần suất tối thiểu	Yêu cầu kỹ thuật
2.12	Đánh rửa và sắp xếp dép khoa HSTC, CD - ĐQ; GMHS; Phòng đẻ của khoa Phụ sản	x			1 lần	Đép sạch sẽ, khô ráo, sắp xếp gọn gàng trên giá
2.13	Vệ sinh bề mặt máy móc, thiết bị (trừ máy móc chuyên dụng)	x			1 lần	Thực hiện đúng quy trình, đảm bảo bề mặt luôn sạch sẽ
2.14	Đánh sàn phòng mổ, HSTC, CD - ĐQ bằng máy đánh sàn chuyên biệt		x		1 lần	Làm sạch ngay khi phát sinh vết bẩn, bệnh nhân nôn, trớ.
2.15	Vệ sinh tường ốp bằng dung dịch khử khuẩn		x		1 lần	Tường khô, không vết bẩn, bám
2.16	Làm sạch lan can ở ban công		x		2 lần	Đảm bảo không bụi, vết bẩn bám
2.18	Làm sạch giường, tủ đầu giường, tủ tường bằng dung dịch khử khuẩn		x		1 lần và khi NB ra viện, chuyển khoa	Đảm bảo luôn sạch sẽ, không có bụi bẩn, chất thải
2.19	Làm sạch cánh, xe đẩy, giường đẩy, bàn ghế làm việc, tủ tài liệu, giá kệ, bề mặt tủ chứa đồ, bề mặt tủ thuốc trong phòng mổ, HSTC, CD - ĐQ bằng dung dịch khử khuẩn		x		1 lần	Sạch bụi, không vết bẩn bám
2.20	Đánh sàn bảo dưỡng			x	1 lần	Đảm bảo sạch sẽ, không vết bẩn bám
2.21	Làm sạch trần, đèn chiếu sáng, quạt trần, quạt tường, quạt hút gió, vỏ điều hoà, dây xả nước thải điều hoà, cọc truyền treo trần, tổng thể cửa kính, khung nhôm, cửa sổ			x	1 lần	Đảm bảo không bụi, không màng nhện, báo kịp thời khi có sự cố.
2.22	Tháo và lắp rèm			x	1 lần	Đảm bảo sạch sẽ, không vết bẩn bám
	KHU VỰC 2:					

STT	Nội dung công việc	Ngày	Tuần	Tháng	Tần suất tối thiểu	Yêu cầu kỹ thuật
1	Nhà vệ sinh					
1.1	Làm sạch bồn cầu, sàn, lỗ thoát nước sàn nhà	x			3 lần	Bồn sạch, không vết, không mùi hôi, không có rác bám, không bị tắc
1.2	Làm sạch các thiết bị như: gương, bồn rửa tay, vách ngăn, vòi hoa sen, tường, xô, chậu, hộp đựng xà phòng, giá để giấy, khay đựng xà phòng, giá để đồ cho người bệnh, tay nắm cửa, cửa ra vào	x			1 lần	Sạch bụi, không vết, báo cáo với đơn vị quản lý để xử lý kịp thời khi có sự cố.
1.3	Thu gom, thay túi và vận chuyển chất thải tới nơi quy định hoặc khi đầy không quá 2/3 túi	x			3 lần	Buộc kín túi hoặc đậy kín nắp thùng đựng chất thải
1.4	Làm sạch thùng rác	x			1 lần	Thùng chất thải sạch sẽ, không mùi hôi
1.5	Thường xuyên kiểm tra xử lý ngay khi phát sinh, đảm bảo nhà vệ sinh luôn sạch, không có mùi khó chịu	x			3 lần	Đảm bảo luôn sạch sẽ
1.6	Cọ rửa thùng chất thải bằng dung dịch khử khuẩn		x		1 lần	Thùng chất thải sạch sẽ, không mùi hôi
1.7	Làm sạch trần, đèn chiếu sáng, quạt hút gió, cửa thông khí, dây xả nước thải điều hoà			x	1 lần	Đảm bảo không bụi, không màng nhện, báo kịp thời khi có sự cố.
2	Khu vực phòng bệnh					
2.1	Làm sạch sàn	x			1 lần	Làm sạch ngay khi phát sinh vết bẩn, bệnh nhân nôn, trớ.
2.2	Làm sạch hệ thống cửa ra vào, công tắc điện/quạt, chuông gọi	x			1 lần	Không có bụi bẩn và vết ố
2.3	Làm sạch sàn khu hành lang	x			2 lần	Làm sạch ngay

STT	Nội dung công việc	Ngày	Tuần	Tháng	Tần suất tối thiểu	Yêu cầu kỹ thuật
						khi phát sinh vết bẩn, bệnh nhân nôn, trớ.
2.4	Làm sạch giường, tủ đầu giường, tủ tường	x			1 lần và khi người bệnh ra viện, chuyển khoa	Đảm bảo luôn sạch sẽ, không có bụi bẩn, chất thải
2.5	Làm sạch cánh, xe đẩy, giường đẩy, bàn ghế làm việc, tủ tài liệu, giá kệ, bề mặt tủ chứa đồ, bề mặt tủ thuốc	x			1 lần	Đảm bảo luôn sạch sẽ, không có bụi bẩn, chất thải
2.6	Làm sạch bồn rửa tay, gương (nếu có)	x			1 lần	Không có vết bẩn và vết ố
2.7	Thu gom, thay túi và vận chuyển chất thải tới nơi quy định hoặc khi đầy không quá 2/3 túi	x			3 lần	Buộc kín túi hoặc đậy kín nắp thùng đựng chất thải
2.8	Làm sạch thùng rác (thùng đựng chất thải lây nhiễm, vệ sinh bằng hoá chất khử khuẩn)	x			1 lần	Thùng chất thải sạch sẽ, không mùi hôi
2.9	Thường xuyên kiểm tra làm sạch ngay khi thấy bẩn, có rác	x			3 lần	Đảm bảo luôn sạch sẽ, không có bụi bẩn, chất thải
2.10	Vệ sinh bề mặt máy móc, thiết bị (trừ máy móc chuyên dụng)	x			1 lần	Thực hiện đúng quy trình, đảm bảo bề mặt luôn sạch sẽ
2.11	Làm sạch lan can ở ban công		x		2 lần	Đảm bảo luôn sạch sẽ, không có bụi bẩn, chất thải
2.12	Đánh sàn bảo dưỡng			x	1 lần	Đảm bảo luôn sạch sẽ, không có bụi bẩn, chất thải
2.13	Làm sạch trần, đèn chiếu sáng, quạt trần, quạt tường, quạt hút			x	1 lần	Không bụi và màng nhện, báo

STT	Nội dung công việc	Ngày	Tuần	Tháng	Tần suất tối thiểu	Yêu cầu kỹ thuật
	gió, vỏ điều hoà, dây xả nước thải điều hoà, cọc truyền treo trần, tổng thể cửa kính, khung nhôm, cửa sổ					cáo kịp thời khi có sự cố
2.14	Tháo và lắp rèm			x	1 lần	Đảm bảo sạch sẽ, không vết bẩn bám
3	Hành lang, sảnh chờ các khoa khoa lâm sàng, cận lâm sàng					
3.1	Làm sạch sàn	x			2 lần	Sạch sẽ, không có chất thải nổi, vết bẩn
3.2	Vệ sinh ghế chờ bệnh nhân và ghế ngồi của NVYT, giá treo quần áo, bàn, ghế, tủ để đồ ở khu vực hành lang	x			1 lần	Đảm bảo không bụi, vết bẩn bám
3.3	Thu gom, thay túi và vận chuyển chất thải tới nơi quy định hoặc khi đầy không quá 2/3 túi	x			2 lần	Buộc kín túi hoặc đậy kín nắp thùng đựng chất thải
3.4	Làm sạch thùng rác	x			1 lần	
3.5	Làm sạch các bồn cây cảnh	x			1 lần	Đảm bảo sạch sẽ, không làm mất mỹ quan bệnh viện
3.6	Thường xuyên kiểm tra làm sạch ngay khi thấy bẩn, có rác	x			3 lần	Đảm bảo sạch sẽ, không làm mất mỹ quan bệnh viện
3.7	Làm sạch tường, phía ngoài hộp/bình chữa cháy		x		1 lần	Đảm bảo sạch sẽ, không làm mất mỹ quan bệnh viện
3.8	Làm sạch hệ thống biển báo, biển chỉ dẫn, kính hành lang, khung nhôm kính thấp dưới 2 mét		x		1 lần	Đảm bảo không bụi, không màng nhện, báo kịp thời khi có sự

STT	Nội dung công việc	Ngày	Tuần	Tháng	Tần suất tối thiểu	Yêu cầu kỹ thuật
						cố.
3.9	Quét mạng nhện, làm sạch trần, đèn chiếu sáng, quạt tường, hệ thống kính hành lang cao trên 2 mét			x	1 lần	Đảm bảo không bụi, không mạng nhện, báo kịp thời khi có sự cố.
4	Khu vực thang máy					
4.1	Làm sạch nút bấm, tay vịn	x			2 lần	Không có bụi bẩn và vết ố
4.2	Làm sạch sàn, bề mặt thang, cửa thang máy	x			2 lần	Sạch sẽ, không có chất thải nổi, vết bẩn
4.3	Thường xuyên kiểm tra xử lý các vết bẩn phát sinh	x			3 lần	Sạch sẽ, không có chất thải nổi, vết bẩn
4.4	Làm sạch trần, đèn chiếu sáng			x	1 lần	Đảm bảo không bụi, không mạng nhện, báo kịp thời khi có sự cố.
5	Khu vực cầu thang bộ					
5.1	Làm sạch tường, bề mặt các bậc thang, sàn	x			2 lần	Đảm bảo không bụi, vết bẩn bám
5.2	Làm sạch lan can, tay vịn	x			2 lần	Đảm bảo không bụi, vết bẩn bám
5.3	Làm sạch cửa, khung cửa	x			1 lần	Đảm bảo không bụi, vết bẩn bám
5.4	Thường xuyên kiểm tra làm sạch ngay khi thấy bẩn, có rác	x			3 lần	Đảm bảo không bụi, vết bẩn bám
5.5	Làm sạch trần, hệ thống đèn chiếu sáng, quạt tường, quạt thông gió			x	1 lần	Trần sạch, không có bụi bám, báo kịp thời khi có sự cố.
	KHU VỰC 3:					
I	Nhà điều hành, hội trường, phòng nhân viên, phòng làm					

STT	Nội dung công việc	Ngày	Tuần	Tháng	Tần suất tối thiểu	Yêu cầu kỹ thuật
	việc, phòng hành chính, giao ban, phòng trực					
1	Nhà vệ sinh					
1.1	Làm sạch bồn cầu, sàn, lỗ thoát nước sàn nhà	x			2 lần	Bồn sạch, không vết, không mùi hôi, không có rác bám, không bị tắc
1.2	Làm sạch các thiết bị như: gương, bồn rửa tay, vách ngăn, vòi hoa sen, tường, bê, chậu, hộp đựng xà phòng, giá để giấy, khay đựng xà phòng, tay nắm cửa, cửa ra vào	x			1 lần	Sạch bụi, không vết, báo cáo với đơn vị quản lý để xử lý kịp thời khi có sự cố.
1.3	Thu gom, thay túi và vận chuyển chất thải tới nơi quy định hoặc khi đầy không quá 2/3 túi	x			2 lần	Buộc kín túi hoặc đậy kín nắp thùng đựng chất thải
1.4	Làm sạch thùng rác	x			1 lần	Thùng chất thải sạch sẽ, không mùi hôi
1.5	Thường xuyên kiểm tra xử lý ngay khi phát sinh, đảm bảo nhà vệ sinh luôn sạch, không có mùi khó chịu	x			3 lần	Đảm bảo luôn sạch sẽ
1.6	Cọ rửa thùng chất thải bằng dung dịch khử khuẩn		x		1 lần	Thùng chất thải sạch sẽ, không mùi hôi
1.7	Làm sạch trần, đèn chiếu sáng, quạt hút gió, cửa thông khí, dây xả nước thải điều hoà			x	1 lần	Đảm bảo không bụi, không màng nhện, báo kịp thời khi có sự cố.
2	Khu vực làm việc					
2.1	Lau bàn ghế, cửa sổ, cửa ra vào, tay nắm cửa, tủ tài liệu, giá kệ	x			1 lần	Sạch bụi, không vết bẩn
2.2	Làm sạch sàn nhà bằng hoá chất làm sạch và tạo mùi thơm	x			1 lần	Làm sạch thường xuyên và ngay khi có phát sinh

STT	Nội dung công việc	Ngày	Tuần	Tháng	Tần suất tối thiểu	Yêu cầu kỹ thuật
2.3	Thu gom, thay túi và vận chuyển chất thải tới nơi quy định hoặc khi đầy không quá 2/3 túi	x			2 lần	Buộc kín túi hoặc đậy kín nắp thùng đựng chất thải
2.4	Làm sạch thùng rác	x			1 lần	Mặt trong và ngoài thùng chất thải sạch sẽ
2.5	Cọ rửa thùng chất thải bằng dung dịch khử khuẩn		x		1 lần	Thùng chất thải sạch sẽ, không mùi hôi
2.6	Làm sạch tường, trần, đèn chiếu sáng, quạt trần, quạt tường, quạt hút gió, vỏ điều hoà, dây xả nước thải điều hoà, tổng thể cửa kính, khung nhôm, cửa sổ.			x	1 lần	Đảm bảo không bụi bẩn, báo kịp thời khi có sự cố
2.7	Đánh sàn bảo dưỡng			x	1 lần	Đảm bảo sạch sẽ, không vết bẩn bám
II	Cầu nối giữa các tòa nhà					
1	Làm sạch sàn, tường	x			1 lần	Không có vết bẩn bám
2	Làm sạch lan can		x		2 lần	Không có vết bẩn bám
3	Làm sạch trần, đèn			x	1 lần	Không có vết bẩn bám
III	Kho					
1	Làm sạch sàn, tường		x		2 lần	Sạch bụi, không vết bẩn
2	Làm sạch hệ thống cửa ra vào		x		1 lần	Sạch bụi, không vết bẩn
3	Làm sạch tổng thể trần, quạt, đèn chiếu sáng			x	1 lần	Không bụi và màng nhện, báo cáo kịp thời khi có sự cố
	KHU VỰC 4:					
1	Sân đường, cây xanh thảm cỏ					
1.1	Quét rác, lá cây rụng, nhổ cỏ trên toàn bộ sân, đường đi, các công bệnh viện, vỉa hè, vườn	x			2 lần	Đảm bảo sạch sẽ, không có rác

STT	Nội dung công việc	Ngày	Tuần	Tháng	Tần suất tối thiểu	Yêu cầu kỹ thuật
	hoa, bồn hoa, rãnh nước...					nổi
1.2	Làm sạch, khử khuẩn ghế ngồi tại các khu vực	x			1 lần	Đảm bảo sạch sẽ, không làm mất mỹ quan bệnh viện
1.3	Làm sạch thùng rác	x			1 lần	Mặt trong và ngoài thùng chất thải sạch sẽ
1.4	Thu gom, thay túi và vận chuyển chất thải tới nơi quy định hoặc khi đầy không quá 2/3 túi	x			2 lần	Buộc kín túi hoặc đậy kín nắp thùng đựng chất thải
1.5	Thường xuyên kiểm tra tra làm sạch ngay khi thấy rác	x			3 lần	Đảm bảo sạch sẽ, không có rác nổi
1.6	Vệ sinh khu tập kết chất thải	x			1 lần	Không có chất thải vương vãi, tường, sàn sạch, khô ráo
1.7	Cọ rửa thùng chất thải bằng dung dịch khử khuẩn		x		3 lần	Thùng chất thải sạch sẽ, không mùi hôi
1.8	Nhà thể thao, hầm					
1.8.1	Quét rác		x		2 lần	Đảm bảo sạch sẽ, không có rác nổi
1.8.2	Làm sạch hệ thống đèn chiếu sáng, trần			x	1 lần	Đảm bảo không bụi bẩn, báo kịp thời khi có sự cố.
2	Mái các toà nhà					
2.1	Mái khu vực Hoa quả bốn mùa		x		1 lần	Sạch sẽ, không có chất thải nổi
2.3	Mái hiên cạnh khu xử lý nước thải		x		1 lần	Sạch sẽ, không có chất thải nổi
2.4	Mái khu phòng khám tim mạch		x		1 lần	Sạch sẽ, không có chất thải nổi
2.5	Mái khu vực tầng 3 nhà A		x		1 lần	Sạch sẽ, không có chất thải nổi

STT	Nội dung công việc	Ngày	Tuần	Tháng	Tần suất tối thiểu	Yêu cầu kỹ thuật
2.6	Mái sảnh tầng 1 nhà C (Tầng 2 nhà C nhìn ra)		x		1 lần	Sạch sẽ, không có chất thải nổi
2.7	Mái Nhà xe (Phòng 4 khoa Tim mạch nhìn ra)		x		1 lần	Sạch sẽ, không có chất thải nổi
2.8	Mái tầng 2 nhà C (phòng C5 Đơn vị Rối loạn nhịp nhìn ra)		x		1 lần	Sạch sẽ, không có chất thải nổi

2. Yêu cầu danh mục dụng cụ do Bên B cung cấp bảo đảm cho nhiệm vụ làm sạch:

Nhà thầu phải chịu trách nhiệm cung cấp và sử dụng những phương tiện dụng cụ, vật tư tiêu hao làm sạch phù hợp với công việc, đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng, tiêu chuẩn về vệ sinh. Cam kết và thực hiện thay thế mới với tất cả dụng cụ vật tư khi hết thời gian khấu hao.

Nhà thầu có trách nhiệm sắp xếp và bố trí khu vực để phương tiện vệ sinh, vật tư, hóa chất hợp lý, không làm ảnh hưởng đến các công việc chuyên môn cũng như môi trường cảnh quan của Bệnh viện.

TT	TÊN DỤNG CỤ/ THIẾT BỊ	ĐVT	MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG	HÌNH ẢNH MINH HỌA
1	Máy chà sàn liên hợp	Chiếc	Sử dụng cho việc đánh sàn, sảnh, hành lang	
2	Máy lau sàn đơn	Chiếc	Sử dụng cho việc đánh sàn cầu thang và các khu vực trong phòng	
3	Máy hút bụi, hút nước	Chiếc	Sử dụng khi đánh sàn hoặc khi cần hút bụi tại các khu vực trên cao	
4	Máy phun rửa áp lực cao	Chiếc	Sử dụng phun rửa sân tại các khu vực	
5	Máy giặt	Chiếc	Sử dụng giặt giẻ lau	

TT	TÊN DỤNG CỤ/ THIẾT BỊ	ĐVT	MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG	HÌNH ẢNH MINH HỌA
6	Máy sấy	Chiếc	Sử dụng sấy giẻ lau	
7	Bộ lau ướt	Bộ	Dùng để lau sàn – sử dụng với xe vắt móp	
8	Giẻ lau ướt thay thế	Chiếc	Dùng để thay thế	
9	Bộ lau khô	Bộ	Dùng để lau khô sàn	
10	Giẻ lau sàn khô thay thế	Chiếc	Dùng để thay thế khi bẩn	
11	Bàn chải chà sàn	Bộ	Đánh sạch các vết bẩn bám kết trên sàn	
12	Cây gạt sàn	Bộ	Gạt khô nước đọng trên bề mặt sàn, hành lang, sàn nhà vệ sinh	
13	Xăng hót rác có nắp	Bộ	Dùng để thu dọn rác ở nhiều vị trí cao thấp, thuận tiện cho người sử dụng	
14	Xe vắt giẻ	Bộ	Sử dụng trong việc vệ sinh sàn	
15	Xe vắt móp đôi	Bộ	Sử dụng trong việc vệ sinh sàn	
16	Phớt cọ	Chiếc	Đánh rửa các vết bẩn bám kết	

TT	TÊN DỤNG CỤ/ THIẾT BỊ	ĐVT	MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG	HÌNH ẢNH MINH HỌA
17	Xe đẩy làm vệ sinh đa năng Cấu tạo: Gồm có 3 tầng, có túi đựng chất thải sinh hoạt thu gom từ các phòng, khu vực trước khi làm sạch/khử khuẩn	Chiếc	Là Phương tiện có thể sắp xếp đầy đủ tất cả các dụng cụ: Cây đẩy ẩm, cây lau, bàn chải, xô lau, túi nilon, chổi, khăn lau, hót rác và hóa chất làm vệ sinh.	
18	Xô lau nhà	Bộ	Dùng đựng nước hoặc giẻ bẩn khi làm vệ sinh	
19	Biển báo khu vực đang làm vệ sinh	Chiếc	Sử dụng cho tất cả các khu vực, nhằm thông báo để biết đây là khu vực đang làm vệ sinh.	
20	Tay gạt kính	Chiếc	Sử dụng cho công việc vệ sinh kính	
21	Bông lau kính	Chiếc	Giúp vệ sinh kính sạch và nhanh gọn	
22	Cây nối dài	Chiếc	Dùng cho việc vệ sinh, làm sạch các khu vực trên cao	
23	Xô lau kính có bánh	Chiếc	Dùng để đựng nước, giặt giẻ khi làm vệ sinh	
24	Dao cạo	Chiếc	Sử dụng cạo các vết bẩn, keo cao su bám kết trên sàn	
25	Bàn chải cọ NVS cong	Chiếc	Cọ rửa lavabo và bồn cầu	

TT	TÊN DỤNG CỤ/ THIẾT BỊ	ĐVT	MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG	HÌNH ẢNH MINH HỌA
26	Bàn chải cọ NVS tròn	Chiếc	Cọ rửa lavabo và bồn cầu	
27	Khăn lau các màu tương ứng với mỗi khu vực thực hiện	Chiếc	Lau sạch các vết bẩn	
28	Găng tay cao su dày (cổ dài)	Đôi	Sử dụng khi làm vệ sinh WC	
29	Găng tay cao su dày (cổ ngắn)	Đôi	Sử dụng khi làm vệ sinh buồng, phòng	
30	Găng tay vải	Đôi	Sử dụng khi làm vệ sinh	
31	Chổi chít	Chiếc	Sử dụng trong việc quét dọn rác, bụi bẩn ngoại cảnh	
32	Chổi nan	Chiếc	Sử dụng trong việc quét dọn rác, bụi bẩn khu vực sân và ngoại cảnh	
33	Chổi nhựa mềm	Chiếc	Sử dụng trong việc quét sàn nhà buồng phòng	
34	Chổi nhựa cứng	Chiếc	Sử dụng trong việc quét sàn nhà vệ sinh	
35	Bình xịt nhựa	Chiếc	Dùng chứa dung dịch, hóa chất sử dụng dạng xịt	

TT	TÊN DỤNG CỤ/ THIẾT BỊ	ĐVT	MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG	HÌNH ẢNH MINH HỌA
36	Hót rác nhựa cán dài	Chiếc	Sử dụng trong việc thu dọn rác	
37	Phất trần đa năng	Bộ	Quét mạng nhện tại các khu vực trên cao	
38	Gáo múc nước	Cái	Múc nước khi dọn vệ sinh.	
39	Cốc đong hóa chất bằng nhựa	Cái	Định mức lượng hóa chất cần pha	
40	Cây kẹp rác inox	Cái	Gắp rác và các vật sắc nhọn	
41	Thụt cao su	Cái	Sử dụng trong việc thông bồn cầu	
42	Thang đa năng	cái	Hỗ trợ vệ sinh tại các vị trí tầm cao	

3. Danh mục hóa chất sử dụng trong công việc vệ sinh bệnh viện do Bên B cung cấp:

- Nhà thầu cần cam kết cung cấp đủ số lượng hóa chất tối thiểu sử dụng thực hiện gói thầu. Trong trường hợp trúng thầu, nhà thầu phải tập hợp đủ toàn bộ hóa chất theo yêu cầu trước 01 ngày khi chính thức thực hiện hợp đồng để chủ đầu tư kiểm tra đối chiếu. Tất cả các hóa chất của nhà thầu khi nhập về kho của tại bệnh viện đa khoa tỉnh phải thông báo để chủ đầu tư cùng kiểm tra giám sát (khoa KSNK là đầu mối phụ trách); đồng thời khi đã nhập kho, nhà thầu không được đưa ra khỏi bệnh viện khi chưa có sự đồng ý bằng văn bản của chủ đầu tư.

- Các loại hóa chất được sử dụng để vệ sinh làm sạch cần phải có đầy đủ nhãn mác bao gồm tên hóa chất, thành phần, đơn vị sản xuất, phân phối, ngày sản xuất, hạn sử dụng... Nếu bên A phát hiện hóa chất không có nhãn mác hoặc bên B không chứng minh được nguồn gốc xuất xứ của hóa chất đang dùng thì sẽ bị xử phạt theo quy định.

STT	Loại hóa chất	Mô tả	Yêu cầu	Số lượng tối thiểu/tháng (lít)
1	Hóa chất làm sạch bề mặt vật dụng thông thường	Chất tẩy rửa có độ pH trung tính hoặc enzyme hoặc chất tẩy rửa gốc kiềm tương thích với bề mặt được làm sạch	Có bản Tiêu chuẩn cơ sở của nhà sản xuất, Phiếu an toàn hóa chất.	25
2	Hóa chất làm sạch sàn, trần, tường, hành lang			230
3	Hóa chất làm sạch bề mặt kính			16
4	Javen	Hóa chất giặt tẩy, khử khuẩn Nồng độ 5 - 7%		115,5
5	Chloramin B	Hóa chất thông cống bồn trong bồn cầu, bồn tiểu		75
6	Hóa chất bồn cầu	Hóa chất Khử mùi khu vệ sinh, bệ xí		229
7	Xà phòng giặt	Hóa chất Giặt tẩy đầu lau, khăn lau		35 kg
8	Tinh dầu thơm (quế, xả,...)	Hóa chất khử mùi, tạo mùi thơm buồng phòng		20

PHỤ LỤC 4

(Kèm theo Thông báo số 3251/TB-BVTP ngày 11/09/2026 của Bệnh viện Đa khoa thành phố Quảng Ninh)

Thông tin của đơn vị báo giá:
(Tên, địa chỉ, số điện thoại, email)

BẢNG CUNG CẤP THÔNG TIN HÀNG HÓA VÀ CHÀO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện Đa khoa thành phố Quảng Ninh

Căn cứ Thông báo số 3251/TB-BVTP ngày 11/09/2026 của Bệnh viện Đa khoa thành phố Quảng Ninh về việc mời cung cấp báo giá dịch vụ vệ sinh bệnh viện năm 2027. Chúng tôi (tên đơn vị.....) có địa chỉ tại: Xin gửi đến Quý Bệnh viện báo giá cụ thể như sau:

DM Dịch vụ	Mô tả dịch vụ	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1	Khu vực 1	m2	9,665		
2	Khu vực 2	m2	16,499		
3	Khu vực 3	m2	23,405		
4	Khu vực 4	m2	10,000		
4	Thu gom, xử lý đồ vải	Người	6		
Tổng tiền thanh toán 1 tháng					
Tổng tiền thanh toán 12 tháng					

Phí dịch vụ trên đã bao gồm:

- Thuế, phí theo quy định.
- Chi trả tiền lương cho nhân viên (kể cả BHYT, BHXH, BHTN...)
- Trang bị bảo hộ lao động và an toàn lao động
- Chi phí khấu hao máy móc, thiết bị phục vụ cho công nhân làm sạch
- Chi phí hóa chất làm sạch và hóa chất bảo dưỡng
- Chi phí các dụng cụ vật liệu cần thiết cho quá trình làm sạch
- Báo giá có hiệu lực 90 ngày kể từ ngày báo giá

....., ngàytháng.....năm 2026
Đại diện hợp pháp của đơn vị báo giá
(ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)